

1. DATABASE

1.1. cấu hình hệ thống

- Bổ sung thêm key
"HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.ComboboxDrugStoreOption"

Cấu hình cho phép chọn 1 hoặc nhiều nhà thuốc khi kê đơn

- 1: Chỉ cho phép chọn 1 nhà thuốc.
- Khác 1: Cho phép chọn nhiều nhà thuốc.

1.2. Cấu hình hệ thống

"HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption" và
V_HIS_EXP_MEST_MEDICINE

1.2.1. Mô tả key cấu hình hệ thống

"HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption"

Tùy chọn kiểm tra tương tác thuốc:

- 1: Kiểm tra tương tác thuốc trong cùng 1 ngày chỉ định.
- 2: Kiểm tra tương tác thuốc giữa các đợt điều trị với nhau khi chưa sử dụng hết thuốc
- Khác 1, 2: Chỉ kiểm tra tương tác thuốc trong cùng 1 đơn.

1.2.2. V_HIS_EXP_MEST_MEDICINE

- Bổ sung trường TDL_PATIENT_ID

1.3. Mô tả của key cấu hình hệ thống

"HIS.DESKTOP.PRESCRIPTION.ATC_CODE_OVERLAP.WARNING_OPTION"

- Tùy chọn cảnh báo trùng ATC khi kê đơn:
 - 1 - Cảnh báo trùng mã ATC khi kê đơn
 - 2 - Cảnh báo trùng mã nhóm ATC khi kê đơn
 - 0 - Không cảnh báo trùng ATC

1.4. Bắt buộc nhập phương pháp điều trị khi hồ sơ điều trị kết thúc khác là Nghỉ hưởng BHXH

- Bổ sung option cho key cấu hình hệ thống
"HIS.Desktop.Plugins.TreatmentFinish.RequiredTreatmentMethodOption"
 - Tùy chọn bắt buộc nhập "Phương pháp điều trị" khi kết thúc điều trị.
 - - 1: Bắt buộc nhập "Phương pháp điều trị" khi "Diện điều trị" là "Điều trị nội trú" và "Loại ra viện" là "Ra viện", "Xin ra viện", "Hẹn khám", "Chuyển viện", "Cấp toa cho về"
 - - 2: Bắt buộc nhập "Phương pháp điều trị" khi bệnh nhân có chọn thông tin kết thúc khác là "Nghỉ hưởng BHXH" hoặc bệnh nhân điều trị nội trú

chọn "Loại ra viện" là "Ra viện", "Xin ra viện", "Hẹn khám", "Chuyển viện", "Cấp toa cho về"

- - Giá trị khác: Không bắt buộc nhập

1.5. Key cấu hình hệ thống

"MOS.HIS_SERVICE_REQ.AUTO_SET_ICD_WHEN_PRESCRIPTION_EXAM"

- Cấu hình tự động cập nhật chẩn đoán của kê đơn phòng khám giống với chẩn đoán ở xử lý khám và ngược lại
- - 1: Tự động cập nhật
- - Khác 1: Không tự động cập nhật

1.6. Bổ sung option cho key cấu hình hệ thống

"HIS.Desktop.Plugins.TreatmentFinish.RequiredTreatmentMethodOption"

- Tùy chọn bắt buộc nhập "Phương pháp điều trị" khi kết thúc điều trị.
- - 1: Bắt buộc nhập "Phương pháp điều trị" khi "Diện điều trị" là "Điều trị nội trú" và "Loại ra viện" là "Ra viện", "Xin ra viện", "Hẹn khám", "Chuyển viện", "Cấp toa cho về"
- - 2: Bắt buộc nhập "Phương pháp điều trị" khi bệnh nhân có chọn thông tin kết thúc khác là "Nghỉ hưởng BHXH" hoặc bệnh nhân điều trị nội trú chọn "Loại ra viện" là "Ra viện", "Xin ra viện", "Hẹn khám", "Chuyển viện", "Cấp toa cho về"
- - Giá trị khác: Không bắt buộc nhập

1.7. Key cấu hình hệ thống

"HIS.Desktop.Plugins.InstructionTimeServiceMustBeGreaterThanStartTimeExam"

- Cấu hình khoảng thời gian không được phép chỉ định, kê đơn ở phòng khám tính từ thời gian bắt đầu khám (tính theo giây)
- Modulink:
HIS.Desktop.Plugins.AssignService,HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescriptionPK,HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescriptionYHCT,HIS.Desktop.Plugins.ServiceReqUpdateInstruction

2. BACKEND

2.1. Xử lý lưu "Số thang" vào bảng HIS_EXP_MEST

- API kê đơn và sửa đơn nội trú ("api/HisServiceReq/InPatientPresCreate", "api/HisServiceReq/InPatientPresUpdate")
 - Cho phép lưu trường **RemedyCount** trong **InPatientPresSDO** vào trường **REMEDY_COUNT** trong **HIS_EXP_MEST**
- API kê đơn và sửa đơn phòng khám ("api/HisServiceReq/OutPatientPresCreate", "api/HisServiceReq/OutPatientPresUpdate")
 - Cho phép lưu trường **RemedyCount** trong **OutPatientPresSDO** vào trường **REMEDY_COUNT** trong **HIS_EXP_MEST**

2.2. HisExpMestMedicineViewFilter và "api/HisExpMestMedicine/GetView"

2.2.1. HisExpMestMedicineViewFilter

- Bổ sung USE_TIME_TO_FROM, TDL_PATIENT_ID

2.2.2. "api/HisExpMestMedicine/GetView"

- Cho phép tìm kiếm theo USE_TIME_TO_FROM, TDL_PATIENT_ID

2.3. Nghiệp vụ cập nhật dữ liệu chẩn đoán của đơn thuốc vào y lệnh khám ấn kê đơn

- api kê đơn phòng khám YHCT cả thêm và sửa ("api/HisServiceReq/OutPatientPresCreate", "api/HisServiceReq/OutPatientPresUpdate")
 - Nếu key cấu hình hệ thống "MOS.HIS_SERVICE_REQ.AUTO_SET_ICD_WHEN_PRESCRIPTION_EXAM" = 1
 - Khi kê đơn phòng khám sẽ tự động cập nhật các chẩn đoán của y lệnh kê đơn vào y lệnh khám (y lệnh cha của y lệnh kê đơn)
 - Y lệnh khám (HIS_SERVICE_REQ có ID = ParentServiceReqId (HisServiceReqSDO))
 - Nếu có dữ liệu và chẩn đoán của y lệnh khám **khác với chẩn đoán của y lệnh kê đơn** thì cập nhật
 - ICD_NAME = lcdName (HisServiceReqSDO)
 - ICD_CODE = lcdCode (HisServiceReqSDO)
 - ICD_CAUSE_NAME = lcdCauseName (HisServiceReqSDO)
 - ICD_CAUSE_CODE = lcdCauseCode (HisServiceReqSDO)
 - ICD_TEXT = lcdText (HisServiceReqSDO)
 - ICD_SUB_CODE = lcdSubCode (HisServiceReqSDO)
 - Nếu key cấu hình hệ thống "MOS.HIS_SERVICE_REQ.AUTO_SET_ICD_WHEN_PRESCRIPTION_EXAM" <> 1 thì không cập nhật ICD

2.4. Bắt buộc nhập phương pháp điều trị khi hồ sơ điều trị kết thúc khác là Nghi hưởng BHXH

Sửa api kê đơn YHCT từ phòng khám cả thêm và sửa ("api/HisServiceReq/OutPatientPresCreate", "api/HisServiceReq/OutPatientPresUpdate")

- Lưu thêm thông tin TreatmentMethod (HisTreatmentFinishSDO) vào trong TREATMENT_METHOD (HIS_TREATMENT) và TREATMENT_INSTRUCTION (HIS_SERVICE_REQ của y lệnh cha)

3. FRONT-END

3.1. “Đơn mẫu”:

Khi chọn đơn mẫu có chứa thuốc/vật tư kê trong kho (tồn tại HIS_EMTE_MEDICINE_TYPE/HIS_EMTE_MATERIAL_TYPE tương ứng có IS_OUT_MEDI_STOCK null) và người dùng không chọn kho (combobox “**Kho xuất**” không check chọn kho nào) thì:

- Hiện thị cảnh báo: “**Bạn chưa chọn kho xuất**” và không xử lý nghiệp vụ bổ sung thuốc/vật tư.
- Người dùng chọn “**Đồng ý**” thì tự động focus con trỏ chuột vào combobox “**Kho xuất**” để cho phép người dùng chọn kho

3.2. Đơn cũ:

Khi chọn đơn cũ có chứa thuốc/vật tư kê trong kho (tồn tại HIS_EXP_MEST_MEDICINE/HIS_EXP_MEST_MATERIAL) tương ứng và người dùng không chọn kho (combobox “Kho xuất” không check chọn kho nào) thì:

- Hiện thị cảnh báo: “**Bạn chưa chọn kho xuất**” và không xử lý nghiệp vụ bổ sung thuốc/vật tư.
- Người dùng chọn “**Đồng ý**” thì tự động focus con trỏ chuột vào combobox “**Kho xuất**” để cho phép người dùng chọn kho

3.3. Nghiệp vụ tự động hao phí

- Thuốc/vật tư mặc định check vào “Hao phí”, không cho phép sửa nếu kho được check “Kho hao phí” (HIS_MEDI_STOCK có IS_EXPEND = 1)
- Thuốc/vật tư được chọn mặc định check vào checkbox “Hao phí”, và cho phép sửa nếu thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện:
 - Nếu thuốc/vật tư được check “Tự động hao phí” (HIS_MEDICINE_TYPE/HIS_MATERIAL_TYPE có IS_AUTO_EXPEND = 1):
 - Nếu chức năng được mở từ màn hình xử lý phẫu thuật thủ thuật và không phải là vật tư thay thế (HIS_MEDICINE_TYPE/HIS_MATERIAL_TYPE có HEIN_SERVICE_TYPE_ID <> IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_HEIN_SERVICE_TYPE.ID_VT_TT)

3.4. Nghiệp vụ cảnh báo tương tác thuốc

- Nếu key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption” = 1 thì
 - Kiểm tra tương tác thuốc với thuốc trên danh sách thuốc và thuốc trên các đơn cũ được kê cùng ngày.
- Nếu key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption” <> 1 thì
 - Kiểm tra tương tác thuốc với thuốc trên danh sách thuốc.

- Nếu có tương tác thuốc thì đưa ra chuỗi thông báo có dạng: Hoạt chất {0} có trong thuốc {1} xung đột với hoạt chất {2} có trong thuốc {3} Thông tin xung đột: {4}. Mức độ: {5}.

3.5. Combobox “Nhà thuốc”

- Khi key cấu hình
“HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.ComboboxDrugStoreOption” = 1 thì
 - Chỉ cho phép chọn 1 nhà thuốc khi kê
 - Khi sửa không cho phép sửa nhà thuốc.
- Khi key cấu hình
“HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.ComboboxDrugStoreOption” <> 1 thì
 - Cho phép chọn nhiều nhà thuốc khi kê
 - hiển thị mặc định nhà thuốc theo nhà thuốc ở y lệnh nếu không có thì hiển thị nhà thuốc được thiết lập mặc định với phòng đang xử lý.

3.6. Trường “Chẩn đoán phụ”

Cho phép nhập **tất cả các ICD không bị khóa** (HIS_ICD có IS_ACTIVE = 1)

3.7. Nghiệp vụ “Lý do xuất”:

- **Sửa combobox “Lý do xuất” ở vùng thông tin chung (xem ảnh):**
 - Chỉ hiển thị trong trường hợp sửa đơn
 - Thông tin hiển thị mặc định dựa vào thông tin tương ứng với phiếu xuất được sửa (EXP_MEST_REASON_ID trong HIS_EXP_MEST)
- **Sửa grid “Danh sách thuốc” để bổ sung cột “Lý do xuất”:**
 - **Chỉ hiển thị trong trường hợp kê mới đơn thuốc**
 - Hiển thị dưới dạng combobox:
 - Dữ liệu load từ danh mục “Lý do xuất” (HIS_EXP_MEST_REASON có IS_ACTIVE = 1)
 - Hiển thị 2 cột: “Mã” (EXP_MEST_REASON_CODE) và “Tên” (EXP_MEST_REASON_NAME)
 - Cho phép nhập để tìm kiếm theo “Mã” và “Tên”
 - Nút xóa (nút “x”): chỉ hiển thị trong trường hợp key cấu hình **MOS.EXP_MEST.IS_REASON_REQUIRED ≠ 1**
 - **Xử lý hiển thị mặc định:**
 - Truy vấn từ danh mục “Thiết lập lý do xuất mặc định” (HIS_EXME_REASON_CFG - danh mục này nên được lưu vào RAM để sau khi load lần đầu tiên thì các lần sau không cần truy vấn lên server) bản ghi **thỏa mãn đồng thời** các điều kiện sau:
 - PATIENT_CLASSIFY_ID = TDL_PATIENT_CLASSIFY_ID(HIS_TREATMENT)
 - TREATMENT_TYPE_ID = TDL_TREATMENT_TYPE_ID(HIS_TREATMENT)
 - PATIENT_TYPE_ID null hoặc có giá trị tương ứng với “ĐT thanh toán” tương ứng trên grid.
 - OTHER_PAY_SOURCE_ID null hoặc có giá trị tương ứng với “Nguồn khác” tương ứng trên grid.

- Nếu tồn tại bản ghi, thì hiển thị mặc định lý do xuất có ID tương ứng với EXP_MEST_REASON_ID của bản ghi lấy được. Ngược lại thì để trống người dùng tự chọn
- **Sửa nghiệp vụ lưu (khi nhấn “Lưu”, “Lưu in” hoặc các phím tắt tương ứng):**
 - Khi key cấu hình **MOS.EXP_MEST.IS_REASON_REQUIRED = 1:**
 - **Trong trường hợp kê mới đơn:**
 - Kiểm tra grid thuốc/vật tư, nếu tồn tại dòng thuốc/vật tư thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện (**gọi là danh sách X**) sau:
 - Là thuốc/vật tư **kê trong kho**
 - Cột “**Lý do xuất**” **không nhập giá trị**
 - thì hiển thị thông báo: “**Thuốc/vật tư AAA, BBB chưa nhập lý do xuất**” (với **AAA, BBB** là các thuốc/vật tư thuộc danh sách **X**)
 - **Trong trường hợp sửa đơn:**
 - Nếu combobox “Lý do xuất” (ở vùng thông tin chung) không nhập giá trị và danh sách thuốc/vật tư có **tồn tại thuốc/vật tư kê trong kho** thì hiển thị thông báo: “**Bạn chưa nhập lý do xuất**”. Người dùng đồng ý thì focus con trỏ vào combobox “Lý do xuất” để cho phép người dùng nhập
 - Bổ sung nghiệp vụ kiểm tra đối tượng thanh toán theo chẩn đoán:
 - Trong trường hợp mã “**CĐ phụ**” không nhập và ICD được nhập ở “**CĐ chính**” có nằm trong danh sách mã ICD được khai báo theo key cấu hình **MOS.HIS_SERVICE_REQ.ICD_CODE_TO_APPLY_RESTRICT_PATIENT_TYPE_BY_OTHER_SOURCE_PAID** thì kiểm tra nếu tồn tại thuốc/ vật tư có “ĐT thanh toán” là BHYT và “Nguồn khác” không có giá trị thì hiển thị cảnh báo: “**Bạn cần bổ sung thông tin ”Chẩn đoán phụ” hoặc đổi đối tượng thanh toán của thuốc/vật tư AAA/BBB cần đổi đối tượng thanh toán sang “Viện phí”**”. Với AAA, BBB là các tên thuốc/vật tư tương ứng
 - Sửa lại nghiệp vụ truyền dữ liệu:
 - Trong trường hợp sửa đơn: truyền thông tin lý do xuất được chọn ở combobox “Lý do xuất” (ở vùng thông tin chung) vào trường ExpMestReasonId của **tất cả các thuốc/vật tư của đơn**
 - Trong trường hợp kê đơn mới: truyền thông tin lý do xuất được chọn ở combobox “Lý do xuất” (ở trên grid) vào trường ExpMestReasonId trong SDO tương ứng với từng thuốc/vật tư

Dự trữ thuốc (Nội trú)

Thời gian chỉ định: 04/08/2022 15:18:00 ☐ Nhiều ngày

Số ngày: 1 Số thang: 10

Kho xuất: [nhà thuốc bệnh viện, Kho Bông Bàng, Kho bệnh nhiệt đới, Kho Vật Tư Chuyên Khoa, Kho Đông Y, Kho Máu, Vật tư truyền máu, Kh...] ☐ Kho BHYT

Người chỉ định: tiendb tiendb

CD chính: A01.2

Ng/hiển ngoài: Chẩn đoán phụ:

☒ Thuốc - vật tư trong kho ☐ Thuốc - vật tư mua ngoài

Nhà thuốc: [Chọn] Thuốc khác: [Chọn] DVT: [Chọn]

Đường dùng: 1223

Hướng dẫn: [Chọn]

Số lượng (F3): 0,00

Lưu đơn: [Lưu] [Lưu và tiếp tục] [Lưu và hủy]

Bổ sung (Chỉ A)

#	Tên thuốc-Vật tư	Hàm lượng	Hoạt chất	DVT	SL/thang	Số thang	SL	ĐT thanh t...	Nguồn khác	CPNG	Bộ	Kho xuất	Lý do xuất	Thành tiền	Hướng dẫn
X	1 Pomatol	140mg+158	Magnesi aspartat...	Viên	1	10	10	BHYT				Kho BHYT	[Chọn]	50.002	1223

3.8. Tương tác thuốc

- Khi mở form kê đơn hoặc thay đổi thời gian chỉ định thì
 - Nếu key cấu hình hệ thống
“HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption” = 1 thì
 - Lấy ra tất cả các thuốc đã được kê tương ứng với ngày chỉ định của hồ sơ điều trị (V_HIS_EXP_MEST_MEDICINE có TDL_INTRUCTION_TIME nằm trong khoảng thời gian chỉ định (tính từ 000000 đến 235959) và TDL_TREATMENT_ID = ID của hồ sơ điều trị đang kê đơn) => Gọi là **Danh sách A**
 - Nếu key cấu hình hệ thống
“HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption” = 2 thì
 - Lấy ra tất cả các thuốc đã được kê tương ứng với ngày chỉ định của hồ sơ điều trị (V_HIS_EXP_MEST_MEDICINE có USE_TIME_TO >= thời gian chỉ định nhỏ nhất (tính từ 000000) và TDL_PATIENT_ID = ID của bệnh nhân đang kê đơn (currentTreatmentWithPatientType.PATIENT_ID)) => Gọi là **Danh sách A**
 - Nếu key cấu hình hệ thống
“HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption” <> 1, 2 thì
 - Xử lý như hiện tại. (Không xử lý lấy các đơn cùng ngày)
- Khi kiểm tra tương tác thuốc thì
 - Nếu key cấu hình hệ thống
“HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption” = 1 **hoặc** 2 thì
 - Kiểm tra thuốc đang chọn có tương tác với thuốc trên danh sách thuốc không và thuốc đang chọn có tương tác với các thuốc được kê trong cùng ngày không
 - Lấy ra tất cả các cấu hình loại thuốc - hoạt chất tương ứng với từng loại thuốc đang kê trong đơn và **Danh sách A** (V_HIS_MEDICINE_TYPE_ACIN có MEDICINE_TYPE_ID = ID của các loại thuốc đang kê trong đơn và **Danh sách A**)
 - Duyệt danh sách các hoạt chất của thuốc đang chọn so sánh với các hoạt chất của các thuốc kê trong đơn và **Danh sách A**:
 - Nếu có 2 hoạt chất bị xung đột nhau (có INTERACTIVE_GRADE lớn hơn cấu hình giới hạn "HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractive__Grade") thì thêm vào chuỗi thông báo có dạng: Hoạt chất {0} có trong thuốc {1} xung đột với hoạt chất {2} có trong thuốc {3} Thông tin xung đột: {4}. Mức độ: {5}.
 - Nếu key cấu hình hệ thống
“HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractiveOption” <> 1, 2 thì
 - Kiểm tra thuốc đang chọn có tương tác với thuốc trên danh sách thuốc không
 - Lấy ra tất cả các cấu hình loại thuốc - hoạt chất tương ứng với từng loại thuốc đang kê trong đơn

(V_HIS_MEDICINE_TYPE_ACIN có MEDICINE_TYPE_ID = ID của các loại thuốc đã kê)

- Duyệt danh sách các hoạt chất của thuốc đang chọn so sánh với các hoạt chất của các thuốc đã kê trong đơn:
 - Nếu có 2 hoạt chất bị xung đột nhau (có INTERACTIVE_GRADE lớn hơn cấu hình giới hạn "HIS.Desktop.Plugins.AssignPrescription.AcinInteractive__Grade") thì thêm vào chuỗi thông báo có dạng: Hoạt chất {0} có trong thuốc {1} xung đột với hoạt chất {2} có trong thuốc {3} Thông tin xung đột: {4}. Mức độ: {5}.

3.9. Cảnh báo trùng nhóm dược lý khi Kê đơn

- Khi lưu kê đơn kiểm tra key cấu hình HIS.DESKTOP.PRESCRIPTION.ATC_CODE_OVERLAP.WARNING_OPTION
 - Nếu có giá trị 1 thì:
 - Kiểm tra các thuốc kê có thuốc nào có mã ATC trùng nhau không, dựa vào ATC_CODES trong HIS_MEDICINE_TYPE. Trường này gồm các mã ngăn cách bằng dấu phẩy, cần xử lý tách theo dấu phẩy trước khi kiểm tra trùng. Vd:
 - Thuốc A có ATC_CODES là A, B, C, D
 - Thuốc B có ATC_CODES là X, B, Y, Z
 - Khi đó, thuốc A, B có chung mã **B** thì sẽ được gọi là trùng mã ATC
 - Xử lý sau khi kiểm tra:
 - Nếu không trùng thì thực hiện lưu như bình thường.
 - Nếu có trùng thì thực hiện cảnh báo:
"Trùng nhóm dược tính:
[Số ngày kê đơn] Tên hoạt chất 1 - Tên hoạt chất 2 - ... (Mã ATC 1 - Tên ATC 1)
[Số ngày kê đơn] Tên hoạt chất x - Tên hoạt chất y - ... (Mã ATC 2 - Tên ATC 2)
...
Bạn có muốn tiếp tục?".
+ Có thì tiếp tục lưu.
+ Không thì không làm gì cả.
 - Nếu có giá trị 2 thì:
 - Kiểm tra các thuốc kê có thuốc nào có mã nhóm ATC trùng nhau không, dựa vào ATC_GROUP_CODES trong HIS_MEDICINE_TYPE. Trường này gồm các mã ngăn cách bằng dấu phẩy, cần xử lý tách theo dấu phẩy trước khi kiểm tra trùng. Vd:
 - Thuốc A có ATC_GROUP_CODES là A, B, C, D
 - Thuốc B có ATC_GROUP_CODES là X, B, Y, Z
 - Khi đó, thuốc A, B có chung nhóm **B** thì sẽ được gọi là trùng nhóm ATC
 - Xử lý sau khi kiểm tra:

- Nếu không trùng thì thực hiện lưu như bình thường.
- Nếu có trùng thì thực hiện cảnh báo:
 "Trùng nhóm dược lý:
 Tên thuốc 1 - Tên thuốc 2 - ... (Tên nhóm ATC 1)
 Tên thuốc x - Tên thuốc y - ... (Tên nhóm ATC 2)
 ...
 Bạn có muốn tiếp tục?".
 + Có thì tiếp tục lưu.
 + Không thì không làm gì cả.

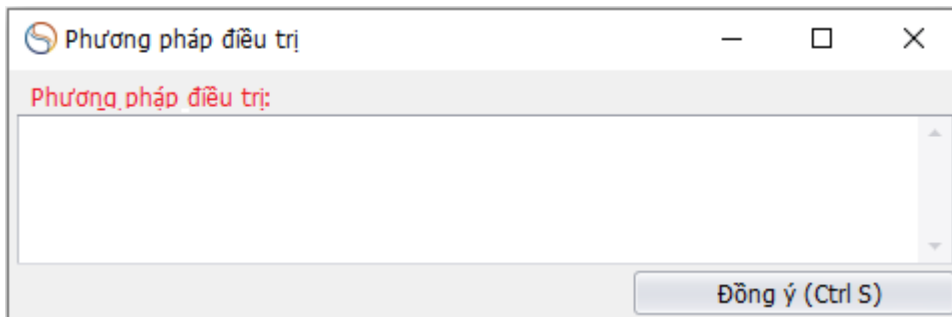
3.10. Bắt buộc nhập phương pháp điều trị khi hồ sơ điều trị kết thúc khác là Nghỉ hưởng BHXH

Khi ấn “Lưu (Ctrl S)” ở form kê đơn, nếu hồ sơ không có thông tin phương pháp điều trị (TREATMENT_METHOD (HIS_TREATMENT) không có dữ liệu) và thuộc 1 trong 2 trường hợp sau

- **TH1:** Key cấu hình hệ thống
 “HIS.Desktop.Plugins.TreatmentFinish.RequiredTreatmentMethodOption” = 1 và thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:
 - "Diện điều trị" là "Điều trị nội trú" (TDL_TREATMENT_TYPE_ID = IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_TYPE.ID__DTNOITRU)
 - "Loại ra viện" là "Ra viện", "Xin ra viện", "Hẹn khám", "Chuyển viện", "Cấp toa cho về" ("Loại ra viện" = IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__CHUYEN || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__HEN || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__RAVIEN || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__XINRAVIEN || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__CTCV)
- **TH2:** Key cấu hình hệ thống
 “HIS.Desktop.Plugins.TreatmentFinish.RequiredTreatmentMethodOption” = 2 và thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện:
 - “TT bổ sung” là Nghỉ việc hưởng BHXH (IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE_EXT.ID__NGHI_OM)
 - Diện điều trị là điều trị nội trú, điều trị ngoại trú, điều trị ban ngày và "Loại ra viện" là "Ra viện", "Xin ra viện", "Hẹn khám", "Chuyển viện", "Cấp toa cho về" ((TDL_TREATMENT_TYPE_ID = IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_TYPE.ID__DTNOITRU || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_TYPE.ID__DTNGOAITRU || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_TYPE.ID__DTBANNGAY) && ("Loại ra viện" = IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__CHUYEN || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__HEN || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__RAVIEN || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__XINRAVIEN || IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_TREATMENT_END_TYPE.ID__CTCV))

Thì mở ra popup “Phương pháp điều trị”:

- Textbox bắt buộc nhập
- Maxlength: 4000 ký tự
- Người dùng nhập và nhấn “Đồng ý” thì truyền nội dung được nhập vào trường TreatmentMethod (HisTreatmentFinishSDO)
- Nếu có lỗi xảy ra không lưu được dữ liệu vào DB thì khi ấn lưu lại vẫn hiển thị được dữ liệu người dùng nhập trước đó



3.11. Chặn không cho kê đơn nếu thời gian chỉ định không lớn hơn thời gian bắt đầu khám 1 khoảng thời gian

- Khi “Lưu (Ctrl S)” thì
 - Nếu key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.InstructionTimeServiceMustBeGreaterThanStartTimeExam” có dữ liệu thì xử lý:
 - Lấy thời gian chỉ định trên form kê đơn - thời gian bắt đầu của y lệnh khám (START_TIME trong HIS_SERVICE_REQ có ID = serviceReqParentId) => gọi là **thời gian A**
 - Nếu **thời gian A** \leq thời gian được thiết lập ở key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.InstructionTimeServiceMustBeGreaterThanStartTimeExam” (đơn vị giây) thì
 - Hiển thị thông báo “Thời gian chỉ định (X) phải cách thời gian bắt đầu khám (Y) là Z giây mới được phép chỉ định” và dừng không cho chỉ định
 - Trong đó: X là thời gian chỉ định trên form kê đơn

Y là thời gian bắt đầu khám (START_TIME trong HIS_SERVICE_REQ y lệnh khám)

Z là giá trị của key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.InstructionTimeServiceMustBeGreaterThanStartTimeExam”

 - Nếu **thời gian A** $>$ thời gian được thiết lập ở key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.InstructionTimeServiceMustBeGreaterThanStartTimeExam” (đơn vị giây) thì

- Cho phép chỉ định như hiện tại